TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A LƯỚI** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **39**/2017/QĐST-HNGĐ	*A Lưới, ngày 16 tháng 8 năm 2017.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 22/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị L, sinh năm 1992; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Căn cứ vào các Điều 212 và 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2017,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về con: Vợ, chồng công nhận có một đứa con chung tên là Nguyễn Hoài N, sinh ngày 28-4-2012. Cả hai thỏa thuận giao cháu Nguyễn Hoài N cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; chị Trần Thị L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoài N định kỳ mỗi tháng 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) kể từ ngày có quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cho đến khi cháu N trưởng thành đủ 18 tuổi;

Chị L được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở việc thực hiện quyền này.

* Về tài sản chung: Chị L, anh T đều trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn T, giao chị Trần Thị L trả toàn bộ số tiền nợ gốc 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng) và lãi suất kèm theo cho Ngân hàng C, tại Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện A.

* Về án phí: Các đương sự thỏa thuận chị Trần Thị L chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng x 50% = 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000đ x 50% = 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ly hôn mà chị L đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2011/001798 ngày 13 tháng 6 năm 2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A Lưới. Chị L đã nộp đủ tiền án phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; được bổ sung theo luật sửa đổi bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- P.KTNV và THA TAND tỉnh TT-Huế;
- VKSND huyện A Lưới;
- CC THADS huyện A Lưới;
- UBND xã H, huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu: HS-AV.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hồ Văn Nhàn